

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 15 hộ gia đình, cá nhân; điều chỉnh, bổ sung cho 03 hộ và 02 hộ di dời mồ mả bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639),

đoạn Cát Tiến - Đê Gi

Địa bàn: xã Cát Hải và Cát Khánh, huyện Phù Cát.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đê Gi;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh về việc xác định lại giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đê Gi, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 và Quyết định số 5064/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 59/TTr-BGPMB ngày 29/3/2021 và Biên bản cuộc họp ngày 26/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 15 hộ gia đình, cá nhân; điều chỉnh, bổ sung cho 3 hộ và 02 hộ di dời mồ mả bị ảnh hưởng do Giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đê Gi, địa bàn xã Cát Hải và Cát Khánh, huyện Phù Cát, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bổ sung bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất đối với 03 hộ dân, 02 hộ có mồ mả di dời trên địa bàn xã Cát Khánh là 151.331.000 đồng, trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình: 148.074.000 đồng, bao gồm:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất:	139.214.000 đồng;
+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc, mồ mả:	4.000.000 đồng;
+ Giá trị các khoản hỗ trợ khác:	4.860.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	2.961.000 đồng;
- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất:	296.000 đồng.

2. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất đối với 22 hộ dân trên địa bàn xã Cát Hải trong phương án đợt này là: 2.446.006.000 đồng, trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình: 2.393.352.000 đồng, bao gồm:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất:	1.668.897.000 đồng;
+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc:	577.482.000 đồng;
+ Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu:	122.528.000 đồng;
+ Giá trị các khoản hỗ trợ khác:	19.445.000 đồng;
+ Giá trị thưởng đẩy nhanh tiến độ:	5.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	47.867.000 đồng;
- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất:	4.787.000 đồng.

3. Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ, giảm chi phí GPMB 2% và chi phí dự trữ cưỡng chế

a. Đối với 02 hộ gia đình Mai Chí và Mai Xuân Quốc đã được phê duyệt tại Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh với tổng giá trị điều chỉnh giảm là: **63.712.000 đồng.**

b. Đối với 01 hộ gia đình ông Võ Văn, vợ Hà Thị Tho đã được phê duyệt tại Quyết định số 5064/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh với tổng giá trị điều chỉnh giảm là: **177.903.000 đồng.**

4. Nguồn vốn thực hiện: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đê Gi.

(Chi tiết có Phụ lục 1,2,3 kèm theo và phương án chi tiết theo Văn bản số 59/TTr-HĐBT ngày 29/3/2021 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng).

Điều 2. Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 và Quyết định số 5064/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC I

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ ĐẤT ĐAI, VẬT KIẾN TRÚC, CÂY CỎI DO GPMB

Dự án: Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đê Gi, xã Cát Khánh

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Diện tích bị thu hồi (m ²)	Bồi thường đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã	Các khoản hỗ trợ khác	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	
									Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ về đất (đồng)					
ĐỊA BÀN XÃ CÁT KHÁNH															
I. Các trường hợp bổ sung thuộc tuyến đường ven biển ĐT.639															
1	Trần Thu Lợi	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	33	7	299.8	BHK	299.8	299.8	25,363,080	109,804,200	135,167,280			135,167,280	
2	Trần Liễu Xuân	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	24	7	394.0	BHK	17.7	17.7	1,497,420	2,548,800	4,046,220			4,046,220	
3	Nguyễn Văn Trung, vợ Nguyễn Thị Sừu	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	360	11	3350.4	ONT+ BHK	1,270.9					4,860,000		4,860,000	
II. Các trường hợp di dời mồ mã thuộc Khu tái định cư An Quang Đông															
1	Võ Văn Thái, vợ Đoàn Thị Mai	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh										2,000,000		2,000,000	
2	Nguyễn Thị Bình	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh										2,000,000		2,000,000	
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ										139,213,500	4,000,000	4,860,000	148,074,000	
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (Ax2%)														2,961,000
C	Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất (Bx10%)														296,000
D	Tổng cộng (A+B+C)														151,331,000

PHỤ LỤC II

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ ĐẤT ĐAI, VẬT KIẾN TRÚC, CÂY CỎI DO GPMB

Dự án: Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đê Gi, xã Cát Hải

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Diện tích bị thu hồi (m ²)	DT đất xét bồi thường (m2)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Nhà cửa, vật kiến trúc, mô mã	Cây cối	Các khoản hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
								Đất ở	Đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở	Đất nông nghiệp được bồi thường	Đất không được bồi thường	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ về đất (đồng)							
ĐỊA BÀN XÃ CÁT HẢI																				
I. Các trường hợp thuộc tuyến đường ven biển ĐT.639																				
1	Trần Thị Kim Thới	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	25	14	485.8	ONT+ BHK	148.7	116.22	276.38			430,297,920	543,915,840	974,213,760	449,834,942	18,605,000	14,000,000	5,000,000	1,461,653,702	Đủ điều kiện cấp TĐC
			24	14	394.6		243.9													
2	Nguyễn Hoài Trương, vợ Ngô Thị Hậu	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	178	3	187.6	LUC	22.7			22.7		1,430,100	4,290,300	5,720,400		72,640			5,793,040	
3	Nguyễn Thị Sáo (chết), con Đặng Sự đại diện kê	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	123	3	324.3	LUC	81.4			81.4		5,128,200	15,384,600	20,512,800	3,962,000	260,480			24,735,280	
4	Lê Thor (chết), con Lê Thị Minh đại diện kê khai	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	124	3	566.6	LUC	42.7			42.7		2,690,100	8,070,300	10,760,400		136,640			10,897,040	
5	Nguyễn Hiệp	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	173	3	62.0	LUC	62.0			62.0		3,906,000	11,718,000	15,624,000		198,400			15,822,400	
6	Lê Thanh Cảnh	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	174	3	93.7	LUC	93.7			93.7		5,903,100	17,709,300	23,612,400		299,840			23,912,240	
7	Ngô Đình Huy, vợ Nguyễn Thị Diễm	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	180	3	196.7	BHK	196.7			196.7										
			179	3	323.8	BHK	123.5			123.5										
			181	3	412.2	BHK	412.2			412.2										
			48	3	293.6	BHK	293.6			293.6										
												64,638,000	193,914,000	258,552,000	3,962,000	3,283,200	5,445,000		271,242,200	

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Diện tích bị thu hồi (m ²)	DT đất xét bồi thường (m2)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã	Cây cối	Các khoản hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
								Đất ở	Đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở	Đất nông nghiệp được bồi thường	Đất không được bồi thường	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ về đất (đồng)							
8	Đông Thanh Giới	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	170	12	515.4	RSX	144.3			144.3		1,209,978	3,084,480	4,294,458					4,294,458	
			114	12	668.5	BHK	6.7	6.7												
II. Các trường hợp thuộc Khu tái định cư, thôn Tân Thanh																				
1	Nguyễn Giới, vợ Nguyễn Thị Bura	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	275	17	107.8	LUK				107.8		2,037,420	2,037,420		301,840				2,339,260	
2	Trần Văn Ngọc	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	498	17	72.2	LUK				72.2		1,364,580	1,364,580		202,160				1,566,740	
3	Phạm Văn Công	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	651	17	72.2	LUK				72.2		1,364,580	1,364,580		202,160				1,566,740	
4	Võ Kế Liêm	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	405	17	192.1	LUK	192.1			192.1	12,102,300	36,306,900	48,409,200		537,880				48,947,080	
III. Các trường hợp thuộc Khu tái định cư, thôn Tân Thắng																				
1	Nguyễn Trương Đông	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải													38,500,000				38,500,000	
2	Huỳnh Văn Ân	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải													29,100,000				29,100,000	
3	Ngô Đình Tài	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải													21,320,000				21,320,000	
IV. Các trường hợp điều chỉnh bổ sung																				
1	Võ Ngò (chết), con Võ Dương Hà ĐĐKK	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	138	40											2,736,222				2,736,222	
2	Đông Chín, con Đông Thanh Tùng ĐĐKK	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	84	40											91,554,120				91,554,120	

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ ĐĐ	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Diện tích bị thu hồi (m ²)	DT đất xét bồi thường (m2)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã	Cây cối	Các khoản hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
								Đất ở	Đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở	Đất nông nghiệp được bồi thường	Đất không được bồi thường	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ về đất (đồng)								
3	Phạm Văn Hữu, vợ Đặng Thị Tá	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	549,633,656	17											9,507,770				9,507,770		
4	Nguyễn Viên, vợ Lê Trương Thị Huệ	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	78	30										1,788,900					1,788,900		
5	Võ Lưu (chết), cháu Võ Tấn Hường ĐDKK	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	110	30										23,644,320					23,644,320		
6	Bùi Xuân Duyên	Thôn Vĩnh Hội, xã Cát Hải	547	16	616.0	RSX	273.3			273.3		1,243,515	2,869,650	4,113,165					4,113,165		
7	Đỗ Văn Thành	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	20	11	243.8	ONT+BHK	243.8	200.0		43.8		290,039,400	8,278,200	298,317,600					298,317,600		
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ							2,581.3	316.2	276.4	1,988.7	252.2	818,588,613	850,308,150	1,668,896,763	577,482,504	122,528,010	19,445,000	5,000,000	2,393,352,000	
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (Ax2%)																			47,867,000	
C	Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất (Bx10%)																			4,787,000	
D	Tổng cộng (A+B+C)																			2,446,006,000	

PHỤ LỤC III

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT ĐAI, NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC, CÂY CỎI DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639).

ĐỊA BÀN: XÃ CÁT HẢI, HUYỆN PHÙ CÁT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình	Số thửa	Tờ BĐ	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích được bồi thường (m ²)		Giá trị BT về đất đã được phê duyệt tại QĐ số 3893/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 CT UBND tỉnh	Giá trị BT về đất đã được phê duyệt tại QĐ số 5064/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của CT UBND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc	Điều chỉnh, bổ sung các khoản hỗ trợ và thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị điều chỉnh giảm đợt này	
							Đất ở (m ²)	Đất NN (m ²)							
I	Điều chỉnh giảm giá trị BT, HT của 02 hộ tại Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của CT UBND tỉnh														
1	Mai Chí, vợ Nguyễn Thị Thiện	17	12	1245.7	394.7	851.0	7.56	387.1	1,150,955,282		224,320,320	-179,228,285	-14,000,000	31,092,035	
2	Mai Xuân Quốc	21	11	250.3	86.2	164.1	86.2		324,789,000		31,248,000			31,248,000	
A	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung										255,568,320	-179,228,285	-14,000,000	62,340,000	
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (Ax2%)													1,247,000	
C	Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất (Bx10%)													125,000	
D	Tổng cộng (A+B+C)													63,712,000	
II	Điều chỉnh giảm giá trị BT, HT của 01 hộ tại Quyết định số 5064/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của CT UBND tỉnh														
1	Võ Văn, vợ Hà Thị Tho	3	6	392.1	302.0	90.1	200.00	102.0		1,365,536,334	174,073,200			174,073,200	
A	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung										174,073,200			174,073,000	
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (Ax2%)													3,481,000	
C	Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất (Bx10%)													348,000	
D	Tổng cộng (A+B+C)													177,902,000	